

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST
Ngày: 23/8/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Phương Châu

Ông Nguyễn Tổng Nê

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 376C/3, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1975.

Ông Kiều Văn Nh, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Số nhà 339C/3, ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Bà T, ông Nh có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bà V có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Vân trình bày:

Nguyên bà và vợ chồng bà Hồ Thị Thu T và ông Kiều Văn Nh là hàng xóm láng giềng nên khi vợ chồng ông Kiều Văn Nh và bà Hồ Thị Thu T cần tiền xoay trở để kinh doanh nên bà có cho vợ chồng bà T, ông Nh vay 02 lần tiền như sau: Lần 1: Vào ngày 08/4/2019, bà có cho vợ chồng bà T, ông Nh vay với số tiền là 600.000.000đồng. Lần 2: Vào ngày 6/6/2020, vợ chồng bà T, ông Nh

có vay bà V số tiền là 500.000.000đồng. Cả hai lần vay tiền bà T, ông Nh có viết giấy nợ và hứa trong vòng 06 tháng sẽ trả số tiền trên, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Nhưng đến thời hạn trả nợ bà T, ông Nh không trả tiền cho bà và tiếp tục đóng lãi đến tháng 05/2021 thì ngưng không đóng lãi cho bà V nữa. Tổng cộng số tiền bà T, ông Nh còn nợ bà là 1.100.000.000đồng. Nay bà V yêu cầu TAND huyện Châu Thành giải quyết buộc bà T, ông Nh có trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.100.000.000đồng, bà V yêu cầu tính lãi số tiền trên theo mức lãi suất 1,67%/tháng với tiền là 238.370.000đồng. Tổng cộng số tiền bà V yêu cầu bà Tím, ông Nh trả cho bà là 1.338.370.000đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 25/7/2022, bị đơn bà Hồ Thị Thị T và ông Kiều Văn Nh trình bày:

Thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị Thu V nhiều lần tiền và cộng dồn tiền lãi thì mới ra số tiền 1.100.000.000đồng. Bà T, ông Nh thừa nhận hiện nay còn thiếu bà V số tiền nợ trên. Bà T, ông Nh đã đóng cho bà V được bốn mươi mấy tháng tiền lãi. Số tiền lãi mỗi tháng bà T, ông Nh đóng cho bà V khoảng hơn ba mươi mấy triệu. Từ tháng 7/2021 đến nay thì bà T, ông Nh ngưng đóng lãi cho bà Vân. Bà T, ông Nh cho rằng lãi suất thỏa thuận khi vay tiền là 3%/tháng. Bà T, ông Nh cho rằng số tiền lãi mà vợ chồng bà đã đóng cho bà V trước đây thì ông, bà không có ý kiến gì. Qua yêu cầu khởi kiện của bà V thì bà T, ông Nh đồng ý trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đồng cho bà V. Tuy nhiên đối với số tiền lãi thì bà T, ông Nh không đồng ý trả vì hiện nay vợ chồng ông mất khả năng chi trả nên không trả lãi nổi. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu trả dần. Ông, bà yêu cầu khi có bản án, quyết định của Tòa án sẽ thương lượng tại Chi cục Thi hành án. Bà T, ông Nh bận đi làm tại TP. Hồ Chí Minh nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V đối với ông bà Hồ Thị Thu T và ông Kiều Văn Nh thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Hồ Thị Thu T và ông Kiều Văn Nh có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Hồ Thị Thu T, ông Kiều Văn Nh có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bà T, ông Nh phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật TTDS.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu bà Hồ Thị Thu T và ông Kiều Văn Nh có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 1.100.000.000đồng, tại phiên tòa bà V không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Tại biên bản làm việc ngày 25/7/2022 bà T, ông Nh thừa nhận vẫn còn nợ số tiền trên. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án. Tuy nhiên bên bà T, ông Nh có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không thỏa thuận được.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét yêu cầu đòi số tiền 1.100.000.000đồng của nguyên đơn thấy rằng: Tại biên bản làm việc ngày 25/7/2022, bà T, ông Nh đồng ý có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đồng. Bà T, ông Nh cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu trả dần. Ông, bà yêu cầu khi có bản án, quyết định của Tòa án sẽ thương lượng tại Chi cục Thi hành án. Xét thấy: Tại phiên tòa bà V không yêu cầu tính lãi số tiền nợ trên nên được ghi nhận. Từ những phân tích trên HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên bà T, ông Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.075.000đồng(Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 288, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V với bà Hồ Thị Thu T, ông Kiều Văn Nh. Cụ thể tuyên:

Buộc bà Hồ Thị Thu T, ông Kiều Văn Nh có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 1.100.000.000đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi số tiền nợ trên.

3. *Về án phí*: Bà Hồ Thị Thu T, ông Kiều Văn Nh có trách nhiệm phải nộp số tiền án phí 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Bà T, ông Nh còn phải nộp số tiền này.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.075.000đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006596 ngày 27 tháng 6 năm 2022.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh